

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hoá, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá, ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật Đo lường, ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP, ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP, ngày 01/8/2007 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, ngày 31/12/2008 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, ngày 19/10/2012 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 27/TTr-SKHCHN, ngày 25/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Bãi bỏ Chỉ thị số 01/2010/CT-UBND, ngày 19/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh và Chỉ thị số 09/2010/CT-UBND, ngày 16/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc tăng cường công tác quản lý về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành../.

Nơi nhận: *vt*

- Bộ KHCN;
- Vụ Pháp chế - Bộ KHCN;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (để kiểm tra);
- Các Sở, ban, ngành;
- Báo Đắk Lắk, đài PTTH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *B*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Hoàng Trọng Hải

QUY ĐỊNH

Quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hoá, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND,
ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I:

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

1) Các sở, ban, ngành theo phân cấp quản lý chuyên ngành có chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (gọi tắt là Sở quản lý chuyên ngành).

2) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện).

3) Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

1. *Sản phẩm* là kết quả của quá trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc tiêu dùng.

2. *Hàng hoá* là sản phẩm được đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán, tiếp thị.

3. *Sản phẩm, hàng hoá nhóm 1* là sản phẩm, hàng hoá không có khả năng gây mất an toàn; là sản phẩm, hàng hoá trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, không gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường.

4. *Sản phẩm, hàng hoá nhóm 2* là sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn; là sản phẩm, hàng hoá trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường.

Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, văn

bản quy phạm pháp luật đối với sản phẩm, hàng hoá tương ứng do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành trong lĩnh vực được phân công quản lý.

5. *Tiêu chuẩn* là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này.

Tiêu chuẩn do một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng.

6. *Quy chuẩn kỹ thuật* là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác.

Quy chuẩn kỹ thuật gồm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành và quy chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành dưới dạng văn bản để bắt buộc áp dụng.

7. *Công bố hợp chuẩn* là việc tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.

8. *Công bố hợp quy* là việc tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

9. *Nhãn hàng hoá* là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hàng hoá, bao bì thương phẩm của hàng hoá hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hàng hoá, bao bì thương phẩm của hàng hoá.

10. *Ghi nhãn hàng hoá* là thể hiện nội dung cơ bản, cần thiết về hàng hoá lên nhãn hàng hoá để người tiêu dùng nhận biết, làm căn cứ lựa chọn, tiêu thụ và sử dụng; để nhà sản xuất, kinh doanh quảng bá cho hàng hoá của mình và để các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát.

11. *Phương tiện đo* là phương tiện kỹ thuật để thực hiện phép đo.

12. *Phương tiện đo nhóm 1* là phương tiện đo được sử dụng trong nghiên cứu khoa học, điều khiển, điều chỉnh quy trình công nghệ, kiểm soát chất lượng trong sản xuất hoặc các mục đích khác không quy định tại Khoản 13 Điều này.

13. *Phương tiện đo nhóm 2* là phương tiện đo được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

14. *Phê duyệt mẫu* là biện pháp kiểm soát về đo lường do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện để đánh giá, xác nhận mẫu phương tiện đo hoặc mẫu của loại (type) phương tiện đo (sau đây gọi tắt là mẫu) phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.

15. *Kiểm định* là biện pháp kiểm soát về đo lường do tổ chức kiểm định phương tiện đo được chỉ định thực hiện để đánh giá, xác nhận phương tiện đo đảm bảo phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.

16. *Hiệu chuẩn* là hoạt động xác định, thiết lập mối quan hệ giữa giá trị đo của chuẩn đo lường, phương tiện đo với giá trị đo của đại lượng cần đo.

17. *Thử nghiệm* là việc xác định một hoặc một số đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo, chuẩn đo lường.

18. *Dấu định lượng* là ký hiệu để công bố lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.

19. *Hàng đóng gói sẵn theo định lượng* là hàng hóa được định lượng, đóng gói và ghi định lượng trên nhãn hàng hóa mà không có sự chứng kiến của bên mua.

20. *Hàng đóng gói sẵn theo định lượng nhóm 2* là hàng đóng gói sẵn có số lượng lớn lưu thông trên thị trường hoặc có giá trị lớn, có khả năng gây tranh chấp, khiếu kiện về đo lường giữa các bên trong mua bán, thanh toán, gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, môi trường. Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 phải được kiểm soát theo yêu cầu kỹ thuật đo lường do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường quy định.

Chương II:

Những quy định cụ thể

Mục 1:

Quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Điều 4. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở:

1. Tiêu chuẩn cơ sở do người đứng đầu tổ chức kinh tế, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi tắt là cơ sở) tổ chức xây dựng và công bố bằng văn bản để áp dụng trong các hoạt động của cơ sở.

2. Căn cứ xây dựng tiêu chuẩn cơ sở:

- a) Các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ;
- b) Tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm, nhu cầu và khả năng thực tiễn của cơ sở;
- c) Các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc nước ngoài tương ứng được khuyến khích sử dụng để xây dựng hoặc chấp nhận thành tiêu chuẩn cơ sở.

3. Yêu cầu đối với tiêu chuẩn cơ sở:

- a) Tiêu chuẩn cơ sở không được trái với quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật hiện hành;

b) Tiêu chuẩn cơ sở cần được xây dựng phù hợp với trình độ tiên bộ khoa học và công nghệ, đáp ứng được yêu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh của cơ sở.

4. Hoạt động xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở là bắt buộc đối với những cơ sở sản xuất sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ mà chưa có tiêu chuẩn quốc gia để áp dụng.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN, ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.

Điều 5. Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

1. Các Sở quản lý chuyên ngành quy định tại Điều 17 của Quyết định này căn cứ vào yêu cầu quản lý hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo phân công quản lý trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

a) Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài;

b) Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật;

c) Kết quả đánh giá, khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm tra, giám định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương để bắt buộc áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo yêu cầu quản lý hoặc các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 đặc thù và yêu cầu cụ thể về môi trường của tỉnh.

4. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN, ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 6. Công bố tiêu chuẩn áp dụng:

1. Công bố tiêu chuẩn áp dụng là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thông báo về tiêu chuẩn áp dụng hoặc các đặc tính cơ bản của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường của mình.

2. Việc thông báo tiêu chuẩn áp dụng được thực hiện thông qua hình thức ghi số hiệu tiêu chuẩn được áp dụng hoặc các đặc tính cơ bản trên nhãn hoặc bao gói sản phẩm, hàng hoá, hoặc trong các tài liệu giao dịch, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ, quá trình, môi trường và các hình thức thích hợp khác.

3. Công bố tiêu chuẩn áp dụng là bắt buộc đối với mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường.

Điều 7. Công bố hợp chuẩn:

1. Công bố hợp chuẩn là hoạt động tự nguyện và chỉ áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hoá áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn

quốc tế. Việc áp tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế trong hoạt động công bố hợp chuẩn phải đáp ứng các quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hoá áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế đăng ký hồ sơ công bố hợp chuẩn tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk.

3. Trình tự, thủ tục công bố hợp chuẩn thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ, quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 8. Công bố hợp quy:

1. Công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc đối với các sản phẩm, hàng hoá nhóm 2.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 đăng ký hồ sơ công bố hợp quy tại các Sở quản lý chuyên ngành quy định tại Điều 17 của Quy định này.

3. Trình tự, thủ tục công bố hợp quy thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ, quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 9. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

1. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở để áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa do mình sản xuất mà chưa có tiêu chuẩn quốc gia.

2. Công bố tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường.

3. Công bố sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

4. Kinh doanh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường được công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy theo quy định.

5. Bảo đảm sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã công bố.

6. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Mục 2:

Quản lý về nhãn hàng hóa

Điều 10. Quản lý về nhãn hàng hóa:

1. Hàng hoá lưu thông, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu phải có nhãn hàng hoá, trừ các trường hợp quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 5 Nghị định số 89/2006/NĐ-CP, ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

2. Nội dung và cách trình bày nhãn hàng hoá thực hiện theo quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa và các Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có liên quan đến nhãn hàng hoá:

1. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có đầy đủ nhãn hàng hóa theo quy định.

2. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về nhãn hàng hoá của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Mục 3:

Quản lý về đo lường

Điều 12. Quản lý chuẩn đo lường:

1. Chuẩn đo lường dùng để kiểm định phương tiện đo phải được hiệu chuẩn bắt buộc.

2. Việc quản lý đối với chuẩn đo lường được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo chuẩn đo lường.

Điều 13. Quản lý phương tiện đo:

1. Đối với phương tiện đo nhóm 1:

a) Yêu cầu kỹ thuật đo lường cơ bản của phương tiện đo phải được thể hiện trên phương tiện đo hoặc ghi trên nhãn hàng hóa, tài liệu đi kèm;

b) Cấu trúc của phương tiện đo phải bảo đảm ngăn ngừa sự can thiệp dẫn đến làm sai lệch kết quả đo;

c) Đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường đã được tổ chức, cá nhân công bố hoặc do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền quy định áp dụng;

d) Được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng phương tiện đo lựa chọn, quyết định.

2. Đối với phương tiện đo nhóm 2:

a) Đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm a, b, c Khoản 1 Điều này;

b) Phải được phê duyệt mẫu trước khi sản xuất, nhập khẩu; phải có biện pháp bảo đảm phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu phù hợp với mẫu đã phê duyệt;

c) Phải được kiểm soát theo yêu cầu kỹ thuật đo lường, phải được kiểm định ban đầu trước khi đưa vào sử dụng, kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng và kiểm định sau sửa chữa.

3. Việc phê duyệt mẫu, kiểm định phương tiện đo nhóm 2 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

Điều 14. Quản lý hàng đóng gói sẵn theo định lượng:

1. Hàng đóng gói sẵn theo định lượng phải phù hợp với thông tin ghi trên nhãn hàng hóa hoặc tài liệu đi kèm và phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh công bố hoặc do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền quy định.

2. Hàng đóng gói sẵn theo định lượng nhóm 2 phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường, tuân thủ quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa và phải có dấu định lượng trên nhãn hàng hóa theo quy định.

3. Việc quản lý hàng đóng gói sẵn theo định lượng được thực hiện theo Luật Đo lường và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 15. Quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường:

1. Các tổ chức hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường phải đăng ký lĩnh vực hoạt động tại Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường phải tuân thủ các quy định tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN, ngày 30/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ, quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước về đo lường ở địa phương là Sở Khoa học và Công nghệ, trực tiếp là Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; hàng đóng gói sẵn theo định lượng:

1. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng phương tiện đo

a) Sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo theo mẫu đã được phê duyệt.

b) Kinh doanh phương tiện đo đã được phê duyệt mẫu theo quy định.

c) Bảo đảm điều kiện theo quy định để người có quyền và nghĩa vụ liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện phép đo, phương pháp đo, phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng hàng hoá.

d) Bảo đảm lượng của hàng hoá trong mua bán, giao dịch đáp ứng yêu cầu về đo lường theo quy định.

đ) Sử dụng phương tiện đo nhóm 2 phải thực hiện việc kiểm định bắt buộc theo quy định.

2. Trách nhiệm của các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định

a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong phạm vi, lĩnh vực được chỉ định.

b) Đảm bảo trình tự, thủ tục kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn theo định lượng

a) Thông tin trung thực về lượng của hàng đóng gói sẵn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường theo quy định.

b) Phải thể hiện dấu định lượng trên nhãn hàng hóa của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 theo quy định.

4. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Mục 4:

Quản lý về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Điều 17. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá của các Sở quản lý chuyên ngành:

1. Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa cụ thể như sau:

a) Sở Y tế: Y dược cổ truyền; sức khoẻ của cộng đồng; vệ sinh an toàn thực phẩm; thực phẩm chức năng; phụ gia thực phẩm; nước uống, nước sinh hoạt, nước khoáng thiên nhiên; thuốc lá điếu; hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; dịch vụ khám, chữa bệnh; chăm sóc, điều dưỡng, phục hồi chức năng; giải phẫu thẩm mỹ; thuốc, mỹ phẩm; trang thiết bị, công trình y tế.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: giống cây trồng, giống vật nuôi; nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; vật nuôi và sản phẩm từ vật nuôi; vật tư nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, phân bón; thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi; thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; phụ gia, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công trình thủy lợi, đê điều, dụng cụ đánh bắt thủy sản, các thiết bị đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong ngành thủy sản; sản phẩm, dịch vụ trong nuôi trồng, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển nông sản, lâm sản, thủy sản, muối.

c) Sở Giao thông Vận tải: Các loại phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải; thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải; kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và hàng không; dịch vụ trong lĩnh vực giao thông, vận tải.

d) Sở Xây dựng: Công trình xây dựng dân dụng, nhà ở và công sở; vật liệu xây dựng; kiến trúc, quy hoạch xây dựng bao gồm: quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, quy hoạch xây dựng các cửa khẩu biên giới quốc tế quan trọng; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng.

đ) Sở Công Thương: Hoá chất, vật liệu nổ công nghiệp; máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác theo quy định của pháp luật; dịch vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; thương mại điện tử.

e) Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; phương tiện bảo vệ cá nhân đối với người lao động; các sản phẩm đặc thù về an toàn lao động theo quy định của pháp luật; các công trình vui chơi công cộng; dịch vụ trong lĩnh vực lao động, thương binh, xã hội.

g) Sở Thông tin và Truyền thông: Sản phẩm báo chí và xuất bản; bưu chính và chuyên phát; viễn thông và internet; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin; phát thanh và truyền hình; truyền thanh cơ sở; các sản phẩm khác như thiết bị, công trình, mạng lưới bưu chính, viễn thông, dụng cụ đo lường chuyên ngành thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông; dịch vụ trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

h) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tài nguyên, khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc bản đồ; dịch vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

i) Sở Giáo dục và Đào tạo: Sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu hướng dẫn giáo viên; thiết bị dạy học, dụng cụ học tập; cơ sở vật chất, đồ chơi cho trẻ em trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật; dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

k) Sở Tài chính: Các sản phẩm liên quan đến dự trữ quốc gia; kinh doanh xổ số, hoạt động chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế, thẩm định giá, hải quan.

l) Sở Văn hóa thể thao và Du lịch: Ấn phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật; công trình thể thao; trang thiết bị luyện tập, thi đấu thể thao; dịch vụ du lịch.

m) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk: Tiền tệ, hoạt động ngân hàng.

n) Công an tỉnh: Thiết bị phòng cháy, chữa cháy và các loại sản phẩm khác sử dụng cho lực lượng công an nhân dân không thuộc đối tượng bí mật Quốc gia.

o) Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Trong việc quản lý về phương tiện, trang thiết bị quân sự, vũ khí đạn dược, sản phẩm phục vụ quốc phòng, công trình quốc phòng không thuộc đối tượng bí mật quốc gia.

p) Sở Khoa học và Công nghệ: Thiết bị an toàn bức xạ hạt nhân, các nguồn phóng xạ; phương tiện, dụng cụ đo lường và các sản phẩm, hàng hoá khác trừ các sản phẩm, hàng hoá đã phân công cho các Sở, ngành và thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bí mật quốc gia.

2. Thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng có khả năng gây mất an toàn.

Các Sở quản lý chuyên ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định 132/2008/NĐ-CP, ngày 31/12/2008 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm, hàng hoá:

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm, hàng hoá tự công bố các đặc tính cơ bản, thông tin cảnh báo, số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hoá hoặc một trong các hình thức sau đây:

- a) Trên bao bì hàng hoá;
- b) Trên nhãn hàng hoá;
- c) Trên tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hoá;

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá chỉ được cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, hàng hoá hợp pháp, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã công bố và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá đã cung cấp cho khách hàng theo quy định của pháp luật.

3. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Mục 5

Trách nhiệm quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hoá, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá

Điều 19. Sở Khoa học và Công nghệ:

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn kiến thức, pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công quản lý.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức kiểm tra, thanh tra nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công quản lý.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công quản lý.

5. Tổ chức đánh giá, kiểm tra về đo lường, định lượng hàng hóa; đánh giá, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công quản lý và kết luận bằng văn bản theo yêu cầu để làm cơ sở cho việc xử lý của các cơ quan chức năng.

6. Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh cho UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 20. Các Sở quản lý chuyên ngành:

1. Thực hiện quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công quản lý.

2. Tuyên truyền phổ biến kiến thức, pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công quản lý.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành trong tỉnh thực hiện thanh tra, kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công quản lý.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công quản lý.

5. Tổ chức đánh giá, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công quản lý và kết luận bằng văn bản theo yêu cầu để làm cơ sở cho việc xử lý của các cơ quan chức năng.

6. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân công quản lý cho Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 21. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn kiến thức, pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra nhà nước về đo lường.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương III:

Tổ chức thực hiện

Điều 22. Trách nhiệm thi hành:

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có những nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.